

đoàn cây họ Đậu (bao gồm những cây có trong nước và của thế giới). Tập đoàn này có thể giao cho Viện khoa học tự nhiên — Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đảm nhận và nghiên cứu các hạng mục sau : phân loại, sinh lý, sinh thái, di truyền và tập tính sinh trưởng, phát dục.

— Viện thổ nhưỡng nông hóa nên có một bộ phận nghiên cứu về khả năng thích ứng của các cây phân xanh trên các loại đất và kỹ thuật trồng trọt, kỹ thuật nhân giống v.v... Trong các trạm trại của trung ương và địa phương cũng cần có những bộ phận nghiên cứu tương tự.

— Viện khoa học Nông nghiệp chịu trách nhiệm nghiên cứu chế độ canh tác cây phân

xanh trong cơ cấu cây trồng trên đất đồi núi.

Muốn đi đến kết quả nhanh và chắc chắn, chúng tôi thấy các cơ sở nghiên cứu những vấn đề trên cần xây dựng một đề cương nghiên cứu rõ ràng và lâu dài, ổn định về cán bộ, tăng cường công nhân kỹ thuật, và phối hợp chặt chẽ với các trạm trại nghiên cứu, cơ sở sản xuất của trung ương và địa phương lập thành một mạng lưới nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm rộng rãi chặt chẽ...

Nếu có sự quan tâm đầy đủ của các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở sản xuất như đã trình bày ở các phần trên, chúng tôi tin tưởng chắc chắn cán bộ kỹ thuật và nhân dân lao động sẽ có thể hạn chế tới mức tối đa nạn xói mòn hiện nay.

MẤY VẤN ĐỀ VỀ

CÔNG TÁC THUẬT NGỮ KHOA HỌC CỦA TA HIỆN NAY

VÕ XUÂN TRANG

VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC THUẬT NGỮ CỦA TA TRONG THỜI GIAN QUA

Công tác thuật ngữ đóng một vai trò rất lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học của một nước. Thuật ngữ là công cụ giao tiếp chủ yếu của các nhà chuyên môn. Và cũng nhờ có thuật ngữ mà công việc tiếp thu và truyền bá các tri thức khoa học mới được tiến hành một cách có hiệu quả. Vì vậy, vấn đề thuật ngữ đã trở thành một vấn đề cấp bách mà nhiều nước quan tâm, đặc biệt là các nước mới giành được độc lập.

Ở ta, vấn đề xây dựng hệ thống thuật ngữ tiếng Việt đã được những người trí thức tiên bộ đặt ra từ trước Cách mạng tháng Tám (1) và đã bước đầu xây dựng được một số hệ thống thuật ngữ của các ngành khoa học cơ bản (2). Ngay từ sau Cách mạng tháng Tám thành công (1945), tiếng Việt được dùng để giảng dạy trong tất cả các trường học của ta, kể cả đại học, vì vậy vấn đề thuật ngữ được đặt ra một cách cấp thiết, được nhiều ngành,

nhiều người quan tâm hơn. Nhưng do hoàn cảnh chúng ta phải tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nên công tác thuật ngữ không triển khai được. Tuy nhiên, do yêu cầu của công tác giảng dạy, học tập của các ngành nên trong thời kỳ này một số từ điển thuật ngữ đối chiếu cũng đã được biên soạn (3).

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh nên công tác thuật ngữ vẫn chưa

(1) Xem « Khoa học tạp chí », năm 1932, 1933 « Báo khoa học », 1942.

(2) Hoàng Xuân Hãn, Danh từ khoa học Pháp — Việt Toán, Lí, Hóa, Cơ, Thiên văn — 1942; Đào Văn Tiến, Danh từ khoa học Pháp — Việt. Phần Sinh vật, 1944.

(3) Bùi Huy Đáp, Danh từ nông học Pháp — Việt (1948); Trịnh Đình Cung, Danh từ i học Pháp — Việt (1951); Lê Khắc Thiển, Phạm Khắc Quảng, Danh từ i học Pháp — Việt (1951); Đào Văn Tiến, Danh từ thực vật Pháp — Việt (1951); Đỗ Xuân Hợp, Danh từ giải phẫu Pháp — Việt (1951). Dẫn theo Văn Lăng và Như Í. Tình hình và xu hướng phát triển thuật ngữ tiếng Việt trong mấy chục năm qua. Ngôn ngữ, 1971, số 1, tr. 45

được chú ý đúng mức. Tình hình đó kéo dài đến năm 1960.

Đặc điểm chủ yếu của công tác xây dựng thuật ngữ từ trước Cách mạng tháng Tám đến năm 1960 là chưa có tổ chức và chỉ đạo. Các từ điển thuật ngữ đã xuất bản hoặc không xuất bản trong thời kỳ này đều là công trình của các cá nhân. Chất lượng các từ điển thuật ngữ đó chưa cao, số lượng thuật ngữ còn ít, chưa đủ đáp ứng yêu cầu của các ngành.

Để khắc phục tình trạng đó, Ủy ban Khoa học Nhà nước ngay từ khi mới thành lập (1959) đã đặc biệt quan tâm đến công tác thuật ngữ. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các ban khoa học (Ban khoa học cơ bản, Ban khoa học xã hội) thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước, công tác xây dựng thuật ngữ các ngành khoa học cơ bản (tự nhiên và xã hội) đã được triển khai mạnh mẽ hơn. Những ngành khoa học cơ bản đều có Tiểu ban thuật ngữ bao gồm những người có kinh nghiệm và năng lực về chuyên môn, đồng thời có nhiệt tình với công tác xây dựng thuật ngữ. Các ban khoa học cũng đã có một số qui định bước đầu về nguyên tắc biên soạn thuật ngữ để các Tiểu ban áp dụng (1). Kết quả trong một thời gian ngắn (1960—1963), hầu hết các ngành khoa học cơ bản như *Toán, Lí, Hóa, Sinh vật* v.v... đã biên soạn xong các cuốn từ điển thuật ngữ đối chiếu của ngành. Để mở rộng phạm vi công tác thuật ngữ và để tăng cường công tác chỉ đạo về mặt lý luận, năm 1964 Ủy ban Khoa học Nhà nước thành lập Tổ thuật ngữ khoa học trực thuộc Ủy ban. Chức năng và nhiệm vụ của Tổ thuật ngữ là tổ chức và chỉ đạo công tác xây dựng thuật ngữ các ngành.

Sau khi Tổ thuật ngữ khoa học ra đời, công tác thuật ngữ ở ta có những bước phát triển mới về qui mô cũng như về chất lượng. Nhiều Tiểu ban thuật ngữ của các ngành *kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật* được thành lập và hoạt động thường xuyên, ngay cả trong hoàn cảnh sơ tán vì chiến tranh. Hầu hết các từ điển thuật ngữ của các ngành khoa học xã hội, văn hóa, nghệ thuật và các ngành kỹ thuật, xuất bản vừa qua đều được biên soạn trong thời gian từ năm 1964 đến năm 1968 dưới sự tổ chức và chỉ đạo của Tổ thuật ngữ (2). Công tác lý luận trong thời kỳ này được chú ý và tăng cường hơn. Một số vấn đề lý luận về cả những vấn đề như tiêu chuẩn của thuật ngữ khoa học, nguyên tắc đặt thuật ngữ, v.v... cũng đều được trao đổi, bàn bạc kỹ trong hội nghị « *Bàn về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài* » do Ủy ban Khoa học Nhà nước triệu tập tháng 12 năm 1964 (3). Tại hội nghị này, Ban nghiên

cứu vấn đề dùng thuật ngữ nước ngoài được thành lập (4). Sau một thời gian làm việc tập thể của Ban, bản *Qui tắc phiên thuật ngữ nước ngoài ra tiếng Việt* đã được Hội đồng thuật ngữ khoa học (5) của Ủy ban Khoa học Nhà nước thông qua (1965). Do đó bản qui định tạm thời về vấn đề này đã được Ủy ban Khoa học Xã hội công bố năm 1966 (6). Những kết quả trên đây không những đánh dấu một bước tiến rõ rệt trong công tác xây dựng thuật ngữ ở miền Bắc, mà còn có ảnh hưởng tốt đối với phong trào đấu tranh xây dựng ngôn ngữ dân tộc ở miền Nam.

Có được những thành tích đó, một phần là do Ủy ban Khoa học Nhà nước đã thấy rõ tác dụng và tầm quan trọng của công tác thuật ngữ, một phần là do có những tổ chức chuyên trách chỉ đạo về mặt học thuật giúp việc Ủy ban (như Tổ thuật ngữ khoa học, Hội đồng thuật ngữ khoa học). Phải khẳng định rằng, phương thức tổ chức và hoạt động của công tác thuật ngữ như vậy là hợp lý và có hiệu quả. Nó bảo đảm cho công tác thuật ngữ ở ta có tổ chức, có chỉ đạo thống nhất và mang tính

(1) — Ban khoa học cơ bản có bản « *Qui định tạm thời về nguyên tắc biên soạn danh từ khoa học tự nhiên* ». Tạp chí *Tin tức hoạt động khoa học* 1960, số 1.

— Ban khoa học xã hội có bản « *Nguyên tắc xây dựng thuật ngữ khoa học xã hội* » (tài liệu đánh máy gửi các tiểu ban thuật ngữ).

(2) Thuật ngữ tâm lý — giáo dục Nga—Pháp—Việt (1967), Thuật ngữ ngôn ngữ học Nga—Việt (1969), Thuật ngữ văn học — mỹ học Nga—Pháp—Việt (1969), Thuật ngữ âm nhạc Nga—Pháp—Hán Việt—Việt (1969), Thuật ngữ mỹ thuật Pháp—Việt (1970), Thuật ngữ sử học — dân tộc học — khảo cổ học Nga—Pháp—Việt (1970), Từ điển thuật ngữ triết học — chính trị Nga—Pháp—Việt (1970), Từ điển thuật ngữ bảo tàng học Nga—Pháp—Việt (1971), Từ điển thuật ngữ thư viện học Nga—Anh—Pháp—Việt (1972), Từ điển Nga—Việt kỹ thuật thủy lợi (1969), Từ điển Nga—Việt kỹ thuật radio (1969), Từ điển Nga—Việt địa chất (1970), Từ điển Nga—Việt xây dựng (1970), Từ điển Nga—Việt cơ khí (1970), Từ điển Nga—Việt nông nghiệp (1970), Từ điển Nga—Việt trắc địa (1971).

(3) Xem « *Về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài* », Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968.

(4) Ban này gồm có các đồng chí: Tạ Quang Bửu, Nguyễn Thạc Cát, Nguyễn Tài Căn, Nguyễn Văn Chiền, Lê Khả Kế, Nguyễn Như Kontum (trưởng ban) Lưu Văn Lăng, Trương Công Quyền.

(5) Hội đồng này do đồng chí Nguyễn Khánh Toàn làm chủ tịch, và các ủy viên: Phạm Văn Bảy, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Thạc Cát, Nguyễn Tài Căn, Hoàng Đình Cầu, Nguyễn Văn Chiền, Nguyễn Đức Chính, Quang Đạm, Trần Văn Giàu, Lê Khả Kế, Nguyễn Như Kontum, Lưu Văn Lăng, Nguyễn Lân, Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Nguyễn Lương Ngọc, Lưu Hữu Phước, Trương Công Quyền, Lê Tâm, Trần Đình Thọ, Phạm Huy Thông, Nguyễn Cảnh Toàn.

(6) Tạp chí *Tin tức hoạt động khoa học* năm 1966, số 6

chất tập thể rộng rãi. Đây chính là đặc điểm của công tác thuật ngữ ở ta trong thời gian này.

Nhưng đến năm 1968, Tổ thuật ngữ khoa học phải tách ra làm hai bộ phận thuộc hai Ủy ban khác nhau (Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Khoa học Xã hội). Bộ phận thuật ngữ khoa học kỹ thuật được sát nhập vào Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật; bộ phận thuật ngữ khoa học xã hội nhập với Tổ ngôn ngữ để thành lập Viện Ngôn ngữ học. Do đó, từ năm 1968 đến nay, trên thực tế công tác thuật ngữ của ta không có một cơ quan chỉ đạo thống nhất. Do chức năng của các bộ phận thuật ngữ có sự thay đổi nên công tác tổ chức chỉ đạo xây dựng thuật ngữ không được tiếp tục như trước. Nhiều Tiểu ban thuật ngữ đã ngừng hoạt động như kinh tế, thể dục thể thao, in, xuất bản, báo chí, điện ảnh, nhiếp ảnh, lưu trữ, ngoại giao, ngoại thương, sản xuất, v.v... Một số ngành muốn tổ chức xây dựng hệ thống của ngành nhưng không có cơ quan chỉ đạo và giúp đỡ thường xuyên (thủy sản, giao thông, thương nghiệp, tài chính, v.v...). Cũng vì vậy nên công tác chỉnh lý và thống nhất thuật ngữ của các ngành khoa học cơ bản vẫn chưa tiến hành được. (Tình trạng thuật ngữ không thống nhất trong từng ngành và giữa các ngành có liên quan vẫn còn trầm trọng).

Từ năm 1964 đến nay chúng ta chưa tổ chức được một hội nghị tổng kết kinh nghiệm công tác thuật ngữ trong thời gian qua đồng thời bàn phương hướng trong thời gian tới. Cũng vì không có cơ quan tổ chức chỉ đạo thống nhất nên mấy năm gần đây đã xuất hiện những hiện tượng «trống đánh xuôi kèn thổi ngược» trong công tác thuật ngữ của các ngành. Ví dụ: cùng một loại sách về thuật ngữ nhưng giữa các ngành khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội có rất nhiều tên gọi khác nhau (*Từ điển i học Nga - Việt, Từ điển Nga - Việt nông nghiệp, Từ điển La-tinh - Việt tên thực vật, Từ điển thuật ngữ thư viện học Nga - Anh-Pháp-Việt*) (1). Một số vấn đề lý luận liên quan đến công tác biên soạn từ điển thuật ngữ đối chiếu cũng chưa được giải quyết một cách có cơ sở khoa học, và mỗi ngành khoa học (khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật) đều có một cách giải quyết riêng của mình.

Thực tiễn công tác thuật ngữ của ta đòi hỏi phải có sự chỉ đạo thống nhất về mặt lý luận. Nếu không có lý luận chỉ đạo thì chất lượng công tác thuật ngữ không thể nâng cao được.

Công tác thuật ngữ của ta trong thời gian

qua chủ yếu là biên soạn từ điển thuật ngữ đối chiếu. Trong thời gian tới, công tác này phải bao gồm nhiều mặt hơn để đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng. Tình hình đó đòi hỏi công tác tổ chức, chỉ đạo về thuật ngữ phải có những sửa đổi cải tiến cho thích hợp hơn.

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC THUẬT NGỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

Hiện nay miền Bắc nước ta đang bước vào một thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đang chuyển sang một giai đoạn mới. Do đó, công tác thuật ngữ của ta trước hết phải đáp ứng các yêu cầu của ba cuộc cách mạng ở miền Bắc (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt), đồng thời phải tích cực chuẩn bị để đáp ứng yêu cầu của cả nước sau này. Miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội trong khung cảnh khoa học kỹ thuật trên thế giới phát triển như vũ bão. Lượng thông tin khoa học tăng lên hằng ngày, hằng giờ. Tình hình đó đòi hỏi công tác thuật ngữ phải nhanh chóng hoàn thiện hệ thống thuật ngữ tiếng Việt để có thể tiếp thu các thành tựu tiên tiến của khoa học thế giới. Mặt khác, công tác thuật ngữ cũng phải góp phần vào việc thống nhất và tiêu chuẩn hóa ngôn ngữ của dân tộc.

Xuất phát từ những yêu cầu đó, nội dung công tác thuật ngữ của ta trong thời gian tới có thể bao gồm các mặt chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống thuật ngữ các ngành;
- Tiến hành công tác chỉnh lý và thống nhất hệ thống thuật ngữ hiện có;
- Tiến hành công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ ở một số ngành;
- Biên soạn các loại từ điển định nghĩa.

1. Về công tác xây dựng hệ thống thuật ngữ các ngành.

Công tác xây dựng hệ thống thuật ngữ các ngành trong thời gian tới cũng vẫn tiến hành dưới hình thức biên soạn các loại từ điển đối chiếu. Đối với các ngành chưa biên soạn xong từ điển đối chiếu thì tiếp tục hoàn thành để trên cơ sở đó, tiến hành chỉnh lý thống nhất thuật ngữ và biên soạn từ điển định nghĩa. Một số ngành đã có từ điển đối chiếu, nhưng hệ thống thuật ngữ chưa đầy đủ thì có thể biên soạn lại và bổ sung thêm. Một ngành có

(1) Lương Vũ, Nên thống nhất tên gọi các sách biên soạn về thuật ngữ. Ngôn ngữ. 1971, số 1.

thể biên soạn nhiều cuốn từ điển đối chiếu với các tiếng gốc khác nhau như Nga — Việt, Anh — Việt, Pháp — Việt, v.v... nhằm phục vụ các đối tượng khác nhau. Ngoài ra, một số ngành liên quan có thể phối hợp biên soạn một cuốn từ điển đối chiếu có tính chất tổng hợp của nhiều ngành như *Từ điển kỹ thuật tổng hợp Nga — Việt* (đang in), *Từ điển thuật ngữ khoa học xã hội Nga - Anh - Pháp - Hán — Việt* (đang soạn). Đây cũng là hình thức tốt để chỉnh lý và thống nhất thuật ngữ các ngành. Vấn đề đặt ra hiện nay đối với công tác biên soạn từ điển đối chiếu là phải chú ý nhiều hơn đến các vấn đề lý luận, và phải tránh các nhược điểm trong giai đoạn trước để nâng cao chất lượng của từ điển hơn nữa.

2. Công tác chỉnh lý và thống nhất thuật ngữ.

Khác với hệ thống từ vựng chung, thuật ngữ là một bộ phận từ vựng đặc biệt do con người tạo ra một cách có ý thức và do đó con người cũng có khả năng điều khiển sự phát triển của nó. Công tác chỉnh lý và thống nhất thuật ngữ thực chất là sự điều khiển của con người đối với sự phát triển của thuật ngữ. Công tác chỉnh lý thuật ngữ chỉ có thể tiến hành ở các ngành căn bản đã xây dựng xong hệ thống thuật ngữ, tức là ít ra cũng đã có một cuốn từ điển đối chiếu của ngành. Muốn tiến hành chỉnh lý một hệ thống thuật ngữ nào đó, theo ý chúng tôi, cần phải giải quyết tốt mấy khâu sau đây:

— Nắm vững các yêu cầu đối với thuật ngữ và hệ thống thuật ngữ;

— Nắm vững các phương thức và mô hình cấu tạo từ của tiếng Việt, đặc biệt là các phương thức và mô hình đặc thù của thuật ngữ;

— Thấy rõ mối quan hệ giữa hệ thống thuật ngữ và hệ thống khái niệm. (Mỗi hệ thống thuật ngữ bao giờ cũng tương ứng với một hệ thống khái niệm nhất định);

— Phân tích đầy đủ các khuyết điểm của hệ thống thuật ngữ hiện có.

Hệ thống kiến thức của một ngành bao gồm ba bộ phận:

- . Các khái niệm của riêng từng ngành;
- . Các khái niệm chung cho nhiều ngành;
- . Các khái niệm của các ngành liên quan.

Việc chỉnh lý và thống nhất bộ phận thuật ngữ biểu đạt các khái niệm của riêng từng ngành là do nội bộ ngành quyết định. Trong quá trình chỉnh lý, cần thu thập hết ý kiến của những người thường xuyên sử dụng thuật

ngữ. Công việc chỉnh lý và thống nhất sẽ gặp nhiều khó khăn hơn đối với bộ phận thuật ngữ biểu đạt các khái niệm chung cho nhiều ngành. Cùng một khái niệm nhưng mỗi ngành lại dùng một thuật ngữ khác nhau. Ví dụ:

Khái niệm	Thuật ngữ (1)		
	Triết học	Tâm lý học	Văn học
« hédonisme »	chủ nghĩa khoái lạc	chủ nghĩa khoái cảm	chủ nghĩa hoan lạc

Việc thống nhất các thuật ngữ loại này không thể do một ngành mà phải do các ngành có liên quan cùng bàn bạc và quyết định.

Bộ phận thuật ngữ mượn của các ngành khác tất nhiên phải do ngành có thuật ngữ đó chịu trách nhiệm chỉnh lý.

Những thuật ngữ của từng ngành và của nhiều ngành, sau khi đã chỉnh lý thống nhất, sẽ được giới thiệu trên tạp chí, tập san của các ngành và biên soạn thành các tập *thông báo thuật ngữ* hoặc *thuật ngữ đề nghị dùng* để mọi người sử dụng và góp thêm ý kiến.

Hình thức các tập *thuật ngữ đề nghị dùng* có thể gồm hai phần: phần các thuật ngữ đề nghị dùng và phần các định nghĩa hoặc là lời giải thích nói rõ lý do dùng thuật ngữ đó.

Các thuật ngữ đề nghị dùng không xếp theo thứ tự abc mà xếp theo nội dung khái niệm. Mỗi một thuật ngữ đề nghị dùng có thể ghi thêm các thuật ngữ tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp v.v... tương đương.

Việc công bố các tập thuật ngữ đề nghị dùng phải do một tổ chức chuyên môn cao nhất về thuật ngữ đảm nhiệm. Tổ chức đó có thể là Hội đồng thuật ngữ khoa học.

3. Công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ.

Tiêu chuẩn hóa thuật ngữ là một bộ phận quan trọng trong công tác thuật ngữ. Các tiêu chuẩn Nhà nước về thuật ngữ là văn bản chính thức cố định các kết quả của công tác chỉnh lý thuật ngữ. Kinh nghiệm các nước cho thấy rằng, công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ đặc biệt quan trọng đối với các ngành khoa học ứng dụng và kỹ thuật có các loại máy, thiết bị, dụng cụ, vật liệu, sản phẩm công nghiệp, quá trình công nghệ, các chỉ số tính

(1) Xem: *Từ điển thuật ngữ triết học* — chỉnh trị Nga—Pháp—Việt (1970), *Thuật ngữ tâm lý — giáo dục Nga—Pháp—Việt* (1967), *Thuật ngữ văn học — Mĩ học Nga—Pháp—Việt* (1969).

toán, các đại lượng, các đơn vị đo lường v.v... Đối với các ngành khoa học thuần túy lý thuyết và các ngành khoa học đang hình thành và phát triển thì việc công bố các tập thuật ngữ *dễ nghị dùng* lại thích hợp hơn (1). Giữa công tác chỉnh lý thuật ngữ và công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ có mối quan hệ khăng khít với nhau. Chính lý thuật ngữ tạo điều kiện cho công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ và tiêu chuẩn hóa thuật ngữ là sự phản ánh các kết quả của công tác chỉnh lý. Một trong những điều kiện để tiến hành công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ của một ngành là hệ thống thuật ngữ của ngành đó đã được chỉnh lý và ổn định. Nếu chưa có điều kiện như vậy thì chưa nên tiến hành tiêu chuẩn hóa vội. « Trong các vấn đề văn hóa sự hấp tấp và sự cầu thả là có hại hơn cả » (2). Trong thời gian qua, tuy Viện Tiêu chuẩn thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã tổ chức biên soạn và công bố một số tiêu chuẩn về thuật ngữ (3) của một số ngành, nhưng rõ ràng các điều kiện trên đây chưa được chín muồi.

Việc công bố các tiêu chuẩn về thuật ngữ ở ta do Viện Tiêu chuẩn phụ trách. Để tiến hành tốt công tác Tiêu chuẩn hóa thuật ngữ, tất nhiên Viện Tiêu chuẩn sẽ có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng thuật ngữ và các Tiểu ban thuật ngữ của các ngành (4).

4. Công tác biên soạn từ điển định nghĩa.

Công tác biên soạn từ điển định nghĩa chỉ có thể tiến hành sau khi hệ thống thuật ngữ đã chỉnh lý và ổn định. Nếu hệ thống thuật ngữ chưa được chỉnh lý thống nhất thì việc biên soạn từ điển định nghĩa sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Hoàn cảnh của ta hiện nay, các hệ thống thuật ngữ đều chưa được chỉnh lý, do đó khi biên soạn từ điển định nghĩa thì đồng thời tiến hành chỉnh lý và thống nhất thuật ngữ. Biên soạn từ điển định nghĩa là một trong những yêu cầu cấp bách hiện nay đối với công tác thuật ngữ. Nếu như từ điển thuật ngữ đối chiếu chỉ có thể góp phần xây dựng hệ thống thuật ngữ, nó cho chúng ta biết khái niệm đó gọi là gì, thì từ điển định nghĩa lại cung cấp cho người đọc biết rõ nội dung khái niệm đó. Chính đây là điều mà nhiều người quan tâm, đòi hỏi.

Ở nước ngoài, nhất là ở các nước có nền khoa học phát triển cao, hầu hết các ngành đều có từ điển định nghĩa. Xuất phát từ tình hình đó, công tác biên soạn từ điển định nghĩa ở ta có thể tiến hành theo hai bước:

— Dịch các từ điển định nghĩa của nước ngoài ;

— Biên soạn các từ điển định nghĩa.

Trong thời gian qua, Nhà xuất bản Sự thật đã tổ chức dịch và in các từ điển định nghĩa như *Từ điển triết học*, *Từ điển chính trị*, *Từ điển kinh tế*... Một số ngành khác như *thông tin*, *lưu trữ*, *thư viện* v.v... cũng đã và đang tổ chức dịch các từ điển định nghĩa của ngành để làm tài liệu tham khảo. Trong khi chúng ta chưa biên soạn được từ điển định nghĩa thì việc dịch các từ điển loại này của nước ngoài là hết sức cần thiết. Ngoài việc cung cấp kiến thức, nó còn là tài liệu tham khảo tốt cho công tác biên soạn từ điển định nghĩa của chúng ta.

Tùy theo nội dung, chất lượng của từ điển và căn cứ vào tình hình phát triển cụ thể của ngành đó ở nước ta mà có thể có hai hình thức dịch khác nhau: *lược dịch* (như *Từ điển thuật ngữ lưu trữ*) và *dịch đầy đủ* (như *Từ điển triết học*, v.v...).

Việc biên soạn từ điển định nghĩa có thể tiến hành trước ở các ngành *khoa học cơ bản* và một số ngành *tương đối phát triển ở ta* như *I. Dược* v.v... Từ điển định nghĩa chuyên ngành nên biên soạn trước và từ điển định nghĩa có tính chất tổng hợp biên soạn sau.

Vừa qua, một số ngành cũng tiến hành biên soạn loại từ điển chuyên ngành như ngành *dược* (*Dược điển Việt-nam*), ngành *thống kê* (*Từ điển thống kê*). Nhưng vì tính chất quá đặc thù của hai ngành này nên chưa thể đúc rút được những kinh nghiệm để các ngành áp dụng. Ở đây chỉ có thể nêu ra một số vấn đề chung mà các ngành khi bắt tay vào việc biên soạn đều phải giải quyết. Đó là các vấn đề:

— Xác định cỡ loại và tính chất của từ điển ;

— Xác định bảng từ của từ điển ;

— Xác định các nguyên tắc định nghĩa, đưa ví dụ, minh họa v.v...

Vấn đề xác định cỡ loại, tính chất của từ điển có một tầm quan trọng đặc biệt đối với quá trình biên soạn. Cỡ loại, tính chất của từ điển sẽ chi phối việc lập bảng từ, cách định nghĩa. Ở ta, bước đầu các ngành

(1) V.X. Culébakin và I.A. Klimovixki, Công tác xây dựng hệ thống thuật ngữ khoa học — kỹ thuật ở Liên-xô và các trường phái thuật ngữ học Xô-viết, trong cuốn « Những vấn đề ngôn ngữ của thuật ngữ khoa học kỹ thuật ». Moxcova, 1970.

(2) Lênin tuyển tập, tập 33, tr. 445 (bản tiếng Nga).

(3) TCVN. 194 — 66, TCVN. 214 — 66.

(4) Về cách thức và các bước tiến hành tiêu chuẩn hóa thuật ngữ có thể xem Hoàng Mạnh Tuấn, « Về công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ khoa học kỹ thuật » — Ngôn ngữ 1970, số 4.

có thể chỉ nên biên soạn các loại từ điển định nghĩa cỡ nhỏ, nhưng từ điển phải có tính chất bách khoa. Với cỡ loại như vậy, bảng từ của từ điển chỉ nên bao gồm các thuật ngữ phản ánh các khái niệm cơ bản của từng ngành. Các định nghĩa cũng hoàn toàn phụ thuộc vào tính chất của từ điển. Cùng một khái niệm nhưng có thể được định nghĩa bằng nhiều cách khác nhau tùy theo tính chất của loại từ điển. Định nghĩa có những qui tắc của nó. Để tiến hành tốt công tác biên soạn, điều quan trọng là những người tham gia biên soạn phải nắm vững một số vấn đề như các qui tắc định nghĩa, các yêu cầu của một định nghĩa, các dạng định nghĩa đối với từng loại khái niệm v.v... (1).

..

Trên đây là một số mặt chủ yếu của công tác thuật ngữ ở ta trong thời gian tới. Muốn làm tốt các mặt của công tác đó, trước hết chúng ta phải giải quyết tốt khâu công tác tổ chức và chỉ đạo. Bản thân công tác thuật ngữ là một công tác tập thể bao gồm nhiều ngành nhiều người tham gia, do đó nó đòi hỏi phải có tổ chức, chỉ đạo thống nhất. Kinh nghiệm thực tế cho thấy trong công tác thuật ngữ thì công tác tổ chức, chỉ đạo đóng một vai trò rất lớn. Hơn đầu hết, trong lĩnh vực này thể hiện rất rõ chân lý sau đây: « Khả năng và hiệu lực hoạt động của con người phụ thuộc vào tổ chức. Tổ chức nhân sức mạnh của con người lên gấp bội. Tổ chức tạo ra chất lượng mới » (2). Hai mươi chín (3) cuốn từ điển thuật ngữ (với khoảng 25 vạn thuật ngữ) được hoàn thành trong một thời gian ngắn đã chứng minh một cách hùng hồn sức mạnh của tổ chức, sức mạnh của tập thể trong công tác thuật ngữ. Để đẩy mạnh các mặt công tác thuật ngữ, trong thời gian tới, chúng tôi đề nghị các cơ quan có trách nhiệm nên quan tâm và tích cực giải quyết vấn đề tổ chức của công tác thuật ngữ. Làm sao cho công tác thuật ngữ của ta có tổ chức và chỉ đạo thống nhất để đáp ứng được yêu cầu của khoa học ngày càng phát triển. Trước mắt, chúng tôi thấy nên khôi phục lại sự hoạt động của Hội đồng thuật ngữ khoa học (tất nhiên là phải có sự kiện toàn về mặt tổ chức). Hội đồng có nhiệm vụ đề xuất các nguyên tắc, phương pháp xây dựng, chỉnh lý thuật ngữ và cả những nguyên tắc phương pháp biên soạn các loại từ điển thuật ngữ. Hội đồng sẽ cùng với các Tiểu ban thuật ngữ tiến hành chỉnh lý và thống nhất thuật ngữ từng ngành và giữa các ngành có liên quan. Tùy

từng thời gian, Hội đồng có thể tổ chức những cuộc hội nghị đề trao đổi và tổng kết kinh nghiệm trong công tác thuật ngữ của các ngành. Hội đồng là tổ chức cao nhất để xét duyệt và quyết định công bố các từ điển thuật ngữ, các tập thuật ngữ đề nghị dùng, và các tài liệu khác về thuật ngữ. Hội đồng cũng là người thường xuyên giúp đỡ Viện Tiêu chuẩn trong công tác tiêu chuẩn hóa thuật ngữ. Ngoài ra, Hội đồng cũng cần mở rộng quan hệ với các tổ chức thuật ngữ các nước (4) và các tổ chức thuật ngữ quốc tế (5). Với những chức năng và nhiệm vụ như vậy thì sự tồn tại của Hội đồng là hết sức cần thiết. Vấn đề đặt ra hiện nay là Hội đồng nên trực thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội hay trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Đây là vấn đề mà các cơ quan hữu quan cần có sự bàn bạc thống nhất. Ở nước ngoài cũng như ở ta, nói đến công tác thuật ngữ, thường người ta chú ý nhiều đến thuật ngữ của các ngành khoa học kỹ thuật, vì đây là mảng thuật ngữ lớn hơn nhiều so với thuật ngữ khoa học xã hội. Theo chúng tôi Hội đồng chỉ nên trực thuộc một cơ quan, nhưng thành phần có thể bao gồm những chuyên gia trong các ngành khoa học (kể cả khoa học kỹ thuật lẫn khoa học xã hội),

(1) Về các vấn đề này chúng tôi sẽ có dịp trình bày ở một bài khác.

(2) Lê Duẩn — Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự thật, 1973.

(3) 1. Danh từ sinh vật học Nga—Việt (1), 2. Danh từ toán học Anh—Việt (1960), 3. Danh từ sinh vật học Nga—Việt (II) (1962), 4. Danh từ hóa học Nga—Anh—Việt, 5. Danh từ toán học Nga—Việt, 6. Danh từ kỹ thuật Nga—Việt, 7. Danh từ địa lý Nga—Việt, 8. Danh từ i được Pháp—Việt (1963), 9. Danh từ i được Pháp—Việt (1964), 10. Danh từ vật lý Nga—Anh—Việt (1965), 11. Thuật ngữ tâm lý — giáo dục Nga—Pháp—Việt, 12. Từ điển i học Nga—Việt (1967), 13. Thuật ngữ ngôn ngữ học Nga—Việt, 14. Thuật ngữ văn học—mĩ học Nga—Pháp—Việt, 15. Thuật ngữ âm nhạc Nga—Pháp—Hán—Việt, 16. Từ điển Nga—Việt kỹ thuật thủy lợi, 17. Từ điển Nga—Việt kỹ thuật radio (1969), 18. Từ điển Nga—Việt địa chất, 19. Từ điển Nga—Việt nông nghiệp, 20. Thuật ngữ sử học—dân tộc học—khảo cổ học Nga—Pháp—Việt, 21. Từ điển thuật ngữ triết học—chính trị Nga—Pháp—Việt, 22. Từ điển mĩ thuật Pháp—Việt, 23. Từ điển Nga—Việt xây dựng, 24. Từ điển Nga—Việt cơ khí (1970), 25. Từ điển Nga—Việt trắc địa, 26. Từ điển thuật ngữ bảo tàng học Nga—Pháp—Việt, 27. Từ điển thuật ngữ luật học Nga—Pháp—Trung—Việt (1971), 28. Từ điển thuật ngữ thư viện học, Nga—Anh—Pháp—Việt (1972), 29. Từ điển toán học Anh—Việt (1972).

(4) Ở Liên-xô, có Ủy ban thuật ngữ khoa học—kỹ thuật trực thuộc Viện hàn lâm khoa học; Viện hàn lâm khoa học Pháp có Ủy ban tư vấn về ngôn ngữ khoa học.

(5) Hiện nay có nhiều tổ chức thuật ngữ quốc tế như: Ủy ban thuật ngữ thuộc tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO/TC.37, Tiểu ban thuật ngữ thuộc Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, Ủy ban thuật ngữ thuộc Liên đoàn điều chỉnh tự động quốc tế, v.v...

các ngành văn hóa, nghệ thuật. Đó là những chuyên gia có năng lực xuất sắc và có nhiệt tình đối với công tác xây dựng thuật ngữ.

Về cơ cấu Hội đồng, ngoài các ủy viên, Hội đồng nên có một bộ phận thường trực. Bộ phận thường trực tạm thời đảm nhiệm một số chức năng của Tổ thuật ngữ trước đây như nghiên cứu, đề xuất các vấn đề lý luận để Hội đồng chỉ đạo các Tiểu ban.

Dưới Hội đồng thuật ngữ là các Tiểu ban thuật ngữ của các ngành. Trong thời gian tới, các ngành cũng nên chấn chỉnh lại các Tiểu ban thuật ngữ hoặc thành lập các Tiểu ban thuật ngữ (đối với các ngành chưa lập) để đẩy mạnh hơn nữa công tác thuật ngữ trong từng ngành.

Mặc dù còn có một số nhược điểm nhất

định, nhưng trong lĩnh vực văn hóa thì công tác thuật ngữ của ta vừa qua đã đạt được những thành tích kỳ diệu mà nhiều khi chúng ta không thấy hết. Từ một nước phong kiến, thuộc địa, vừa mới giành được độc lập, lại phải trải qua hai cuộc chiến tranh liên tiếp, thế nhưng chúng ta đã xây dựng được một hệ thống thuật ngữ tiếng Việt tương đối hoàn chỉnh bao gồm tất cả các lĩnh vực kiến thức kể cả lĩnh vực hiện đại nhất. Trong công tác thuật ngữ, rõ ràng chúng ta có nhiều thành tích và có một số kinh nghiệm nhưng chưa đúc kết được. Trong thời gian tới, nếu chúng ta làm tốt công tác thuật ngữ hơn nữa, và đúc kết được những kinh nghiệm vừa qua thì chắc chắn sẽ có tác dụng bổ ích đối với những nước mới giành được độc lập và đang quan tâm đến vấn đề này.

MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU CÂY TAM THẮT

TỔ NGHIÊN CỨU TAM THẮT
VIỆN DƯỢC LIỆU

Tam thất là một trong những vị thuốc qui có khả năng bồi dưỡng sức khỏe nhanh chóng, là một cây thuốc nam dùng đã lâu đời và có một địa vị quan trọng trong đông y.

Theo đông y, tam thất có tác dụng cầm huyết, tán ứ, tiêu sưng, giảm đau, chữa mất đồ sưng đau, chữa thổ huyết, chảy máu cam, băng huyết, ỉa chảy ra máu, đi lỵ ra máu, kinh nguyệt không dứt, sản hậu huyết hối không hết. Phụ nữ sau khi sinh để cho uống 2 đến 3 g tam thất dạng sống để lọc huyết, và sau đó một tuần lễ, dùng tam thất dạng chín, nấu với thức ăn để bồi bổ. Tam thất ngâm rượu, uống chữa vết thương khi bị đánh hay bị ngã. Tam thất còn dùng làm thuốc tu bổ cường tráng, bồi tì cho người mới ốm dậy, và trị bệnh suy nhược thần kinh. Dùng nước sắc rễ tam thất chữa mất ngủ và tăng lực.

Nói như vậy, không có nghĩa là tam thất có công hiệu thật tuyệt vời. Nhưng thực tế chứng minh tam thất là vị thuốc có giá trị chữa bệnh và dinh dưỡng cao, không những được đông y coi trọng mà gần đây một số cơ quan khoa học cũng chú ý nghiên cứu phân chất thành phần hoạt chất, tác dụng của loại

sâm này, và coi là thứ thuốc mạnh có tác động bổ ích cho cơ thể người — người mới ốm dậy, phụ nữ mới sinh uống vào thì chóng lại sức và khỏe lên (*).

Giá trị kinh tế của tam thất khá lớn, giá xuất khẩu có lúc tương đương với nhân sâm. Một số nước đã có nghề trồng cây thuốc này như Trung-quốc, Việt-nam... Số lượng thu hoạch ở Trung-quốc rất cao, năm 1957 được hơn 45 tấn và những năm gần đây được hàng trăm tấn.

Nhân dân Việt-nam đã có kinh nghiệm lâu đời trồng tam thất ở vùng rẻo cao Hà-giang, Lào-cai, Lai-châu..., giáp giới tỉnh Vân-nam Trung-quốc là nơi đã trồng tam thất từ 200 năm nay. Nhưng trước đây ở Việt-nam ta còn trồng hoàn toàn cá thể, số lượng không lớn lắm. Năm 1962, huyện Đồng-văn (Hà-giang) mới trồng có 102 662 gốc. Số lượng thu mua mỗi năm khoảng 2 — 3 tạ tam thất trong nước. Gần đây đã được trên chú ý và bắt đầu nghiên cứu đưa vào trồng lớn ở nông trường.

(*) Có lúc, có nơi, tìm mua nhân sâm còn dễ hơn tìm mua tam thất.